

HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP
MÔN: GDQP-AN - KHỐI: 11
Tuần: 1 (6/9/2021 – 11/9/2021) - Tiết : 1
BÀI 1 : BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ,
BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

I. NỘI DUNG CẦN ĐẠT:

• **Kiến thức**

- Hiểu được khái niệm, sự hình thành, các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.
- Biết được cách xác định đường biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.
- Quán triệt các quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới quốc gia; nội dung biện pháp cơ bản về xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới quốc gia.

• **Năng lực**

- Năng lực chung: tự học; hợp tác; thẩm mỹ; giao tiếp ứng xử văn hóa
- Năng lực chuyên biệt: biết vận dụng kiến thức trong việc xử lý thông tin liên quan đến đất liền, biển, đảo, quần đảo của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

• **Phẩm chất**

- Tự giác, tích cực
- Nâng cao ý thức của học sinh đối với nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC:

A.Chuyên đề : Lãnh thổ quốc gia và chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1. Lãnh thổ quốc gia

a. Khái niệm lãnh thổ quốc gia

- Lãnh thổ, cư dân, chính quyền là 3 yếu tố cấu thành một quốc gia độc lập có chủ quyền.

→ Lãnh thổ là vấn đề quan trọng hàng đầu, là không gian cần thiết, là cơ sở thực tế cho sự tồn tại của quốc gia.

- Lãnh thổ quốc gia là một phần của trái đất bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời trên vùng đất và vùng nước cũng như lòng đất dưới chúng thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của mỗi quốc gia nhất định.

b. Các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia

Bao gồm: vùng đất, vùng nước, vùng trời và vùng lòng đất.

- **Vùng đất:** là phần lãnh thổ chủ yếu và thường chiếm diện tích lớn so với các phần lãnh thổ khác.

+ Gồm: đất liền, các đảo và quần đảo.

- **Vùng nước:** là toàn bộ các phần nước nằm trong đường biên giới quốc gia.

+ Gồm: vùng nước nội địa, vùng nước biên giới, vùng nước nội thủy và vùng nước lãnh hải.

- **Vùng lòng đất:** là toàn bộ phần nằm dưới vùng đất và vùng nước thuộc chủ quyền quốc gia. Theo nguyên tắc vùng lòng đất được tính sâu tận tâm Trái đất.

- **Vùng trời:** là khoảng không bao trùm trên vùng đất và vùng nước của quốc gia. Vùng trời chưa có quy định cụ thể và thống nhất về độ cao.

- **Vùng lãnh thổ đặc biệt:** là vùng mà các quốc gia được quyền sử dụng chung theo quy định của quốc tế, hoạt động ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia như: vùng biển quốc tế, vùng Nam cực, khoảng không vũ trụ, ... được thừa nhận như 1 vùng lãnh thổ. Đó là lãnh thổ đặc biệt.

2. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia:

a. Khái niệm:

- Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền tối cao, tuyệt đối, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình.

- Hiến pháp 1992 quy định: “Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời”.

b. Nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia:

+ Có quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp mà không có sự can thiệp, áp đặt bất kì hình thức nào từ bên ngoài.

+ Có quyền tự do trong việc lựa chọn phương hướng phát triển của đất nước, thực hiện những cải cách kinh tế, xã hội phù hợp với quốc gia đó.

+ Tự quy định chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ quốc gia.

+ Có quyền sở hữu hoàn toàn đối với tất cả tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ.

+ Có quyền xét xử đối với mọi công dân, tổ chức, kể cả người nước ngoài và tổ chức nước ngoài đang sinh sống, hoạt động trên lãnh thổ quốc gia đó.

+ Có quyền áp đặt các biện pháp cưỡng chế thích hợp, có quyền điều chỉnh, kiểm soát hoạt động của các công ty đa quốc gia, sở hữu của người nước ngoài cũng như các tổ chức tương tự.

+ Có quyền và nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo lãnh thổ quốc gia theo những nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế; có quyền quyết định sử dụng, thay đổi lãnh thổ phù hợp với pháp luật

B. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

- Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

- Sản phẩm: Câu trả lời của HS

- Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi :

1. Vùng nước nội thủy là?

A. Vùng nước tính từ bờ biển ra đến đường cơ sở.

- B. Vùng nước tính từ đường cơ sở ra phía ngoài 12 hải lý.
- C. Vùng nước tính từ đường biên giới trên biển ra phía ngoài 12 hải lý.
- D. Vùng nước tính từ đường cơ sở ra phía ngoài 188 hải lý.

2. Vùng nước lãnh hải là?

- A. Vùng nước tính từ đường cơ sở ra phía ngoài 12 hải lý.
- B. Vùng nước tính từ bờ biển ra đến đường cơ sở.
- C. Vùng nước tính từ đường biên giới trên biển ra phía ngoài 12 hải lý.
- D. Vùng nước tính từ đường cơ sở ra phía ngoài 188 hải lý.

3. Vùng tiếp giáp lãnh hải là?

- A. Vùng nước tính từ đường biên giới trên biển ra phía ngoài 12 hải lý.
- B. Vùng nước tính từ đường cơ sở ra phía ngoài 12 hải lý.
- C. Vùng nước tính từ bờ biển ra đến đường cơ sở.
- D. Vùng nước tính từ đường cơ sở ra phía ngoài 188 hải lý.

4. Vùng đặc quyền kinh tế được tính từ đường cơ sở ra phía ngoài bao nhiêu hải lý?

- A. 188 hải lý.
- B. 338 hải lý.
- C. 12 hải lý.
- D. 24 hải lý.

5. Thềm lục địa được tính từ đường cơ sở ra phía ngoài bao nhiêu hải lý?

- A. 188 – 338 hải lý.
- B. 12 – 24 hải lý.
- C. 12 – 188 hải lý.
- D. 12 – 338 hải lý.

III. DẶN DÒ:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của giáo viên, tìm hiểu thêm các thông tin trong SGK hay internet để hoàn thành nội dung luyện tập.
- Tìm hiểu thêm về nội dung kiến thức “ biên giới quốc gia nước CHXHCN Việt Nam”.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP

MÔN: GDQP-AN - KHỐI: 11

Tuần: 2 (13/9/2021 – 18/9/2021) - Tiết: 2

**BÀI 1 : BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ,
BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

I. NỘI DUNG CẦN ĐẠT:

• **Kiến thức**

- Hiểu được khái niệm, sự hình thành, các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.
- Biết được cách xác định đường biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.
- Quán triệt các quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới quốc gia; nội dung biện pháp cơ bản về xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới quốc gia.

• **Năng lực**

- Năng lực chung: tự học; hợp tác; thẩm mỹ; giao tiếp ứng xử văn hóa
- Năng lực chuyên biệt: biết vận dụng kiến thức trong việc xử lý thông tin liên quan đến đất liền, biển, đảo, quần đảo của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

• **Phẩm chất**

- Tự giác, tích cực
- Nâng cao ý thức của học sinh đối với nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC:

A.Chuyên đề : Biên giới quốc gia

1. Sự hình thành biên giới quốc gia

- Cùng với việc hình thành và mở rộng lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam dần dần cũng hoàn thiện.
- Tuyến biên giới đất liền:
 - + Việt Nam – Trung Quốc: dài 1306 km.
 - + Việt Nam – Lào: dài 2067 km.
 - + Việt Nam – Campuchia: dài 1137 km.
- Tuyến biển đảo xác định được 12 điểm để xác định đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải (12/11/1982): Từ điểm 0 → A11. Hiện nay Việt Nam có sự tương quan và tranh chấp trên biển với các nước: Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia, Philippin.

2. Khái niệm biên giới quốc gia

a. Khái niệm:

- Biên giới quốc gia là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia.

- Biên giới quốc gia xác định chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ.

→ Biên giới quốc gia nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

b. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia:

- Biên giới quốc gia trên đất liền.
- Biên giới quốc gia trên biển.
- Biên giới lòng đất của quốc gia.
- Biên giới quốc gia trên không.

3. Xác định biên giới quốc gia

a. Nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia:

- Được xác định bằng điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết, hoặc gia nhập, hoặc do Pháp luật Việt Nam quy định.
- Các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đều tiến hành xác định biên giới bằng hai cách cơ bản sau:
 - + Thứ nhất, các nước có chung biên giới và ranh giới trên biển (nếu có) thương lượng để giải quyết vấn đề xác định biên giới quốc gia.
 - + Thứ hai, đối với biên giới giáp với các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, Nhà nước tự quy định biên giới trên biển phù hợp với các quy định trong Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982.
- Ở Việt Nam, mọi kí kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về biên giới của Chính phủ phải được Quốc hội phê chuẩn thì mới có hiệu lực.

b. Cách xác định biên giới quốc gia:

- Trên đất liền:
 - + Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới.
 - + Đặt mốc quốc giới.
 - + Dùng đường phát quang.
- Trên biển:
 - + Được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ.
 - + Theo công ước quốc tế năm 1982.
- Trong lòng đất: là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển xuống lòng đất.
- Trên không: là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển lên vùng trời.

B. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học
- Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện: (Gv đặt câu hỏi)

1. Việt Nam có chung đường biên giới quốc gia trên đất liền với nước nào sau đây?

A. Campuchia. B. Singapore. C. Indonesia. D. Philippin.

2. Việt Nam giáp với quốc gia nào trên Biển dưới đây?

A. Campuchia. B. Lào. C. Mỹ. D. Ấn Độ.

3. Việt Nam giáp với quốc gia nào trên Biển dưới đây?

A. Thái Lan. B. Lào. C. Hàn Quốc. D. Ấn Độ.

4. Việt Nam giáp với quốc gia nào trên Biển dưới đây?

A. Trung Quốc. B. Lào. C. Hàn Quốc. D. Nhật Bản.

5. Việt Nam giáp với quốc gia nào trên Biển dưới đây?

A. Philipines. B. Lào. C. Triều Tiên. D. Nhật Bản.

6. Việt Nam giáp với quốc gia nào trên Biển dưới đây?

A. Malaysia. B. Singapore.

C. Ấn Độ. D. Triều Tiên.

7. Việt Nam giáp với quốc gia nào trên Biển dưới đây?

A. Indonesia. B. Singapore. C. Pakistan. D. Nhật Bản.

8. Vụ hạ giàn khoan Hải Dương 981 của Trung Quốc vào khu vực biển đông của Việt Nam vào thời gian nào ?

A. 01/5/2014

B. 02/5/2015

C. 01/5/2016

D. 02/5/2017

III. DẶN DÒ:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của giáo viên, tìm hiểu thêm các thông tin trong SGK hay internet để hoàn thành nội dung luyện tập.
- Hoàn thành bài tập trắc nghiệm về bài học trên K12online.